

Số: 1918 /QĐ-UBND

*Duyên Hải, ngày 13 tháng 9 năm 2018*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch chung xây dựng  
xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/3/2017 của Bộ xây dựng hướng dẫn về Quy hoạch xây dựng nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020.

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 934/NQ-UBTVQH13 ngày 15/5/2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Trà Cú, huyện Duyên Hải để thành lập thị xã Duyên Hải và 02 phường thuộc thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Quyết định số 2174/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, về việc phê duyệt Đề án Quy hoạch chung đô thị Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, về việc ban hành bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ công văn số 426/UBND-KT ngày 07/5/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải, về việc Rà soát, điều chỉnh bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới các xã trên địa bàn thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 484/SXD-QH-KT ngày 08/5/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh, về việc hướng dẫn lập quy hoạch chung xây dựng xã theo Thông tư 02/TT-BXD của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1725/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải, về việc phê duyệt Nhiệm vụ Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Công văn số 1004/SXD-QHKT&PTĐT ngày 11/9/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Trà Vinh, về việc góp ý Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh;

Xét Tờ trình số 161/Tr-PQLĐT ngày 12/9/2018 của Phòng Quản lý đô thị thị xã Duyên Hải, về việc xin phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh, với những nội dung chủ yếu như sau:

### **1. Phạm vi, ranh giới lập quy hoạch:**

Ranh giới khu vực lập quy hoạch là ranh địa giới hành chính xã Dân Thành, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh được điều chỉnh sau khi thành lập Thị xã Duyên Hải và 02 phường, có diện tích tự nhiên khoảng **2.472,75 ha** với tứ cận của khu đất như sau:

- Phía Đông : Giáp xã Trường Long Hòa và Biển Đông;
- Phía Tây : Giáp xã Long Toàn và Phường 1;
- Phía Nam : Giáp Kênh đào Trà Vinh;
- Phía Bắc : Giáp xã Trường Long Hòa.

### **2. Mục tiêu, tính chất, chức năng của đồ án:**

#### **2.1. Mục tiêu:**

- Cụ thể hóa các định hướng từ đồ án quy hoạch chung xây dựng thị xã Duyên Hải;
- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập đề án, dự án đầu tư;
- Định hướng sản xuất, hình thức tổ chức sản xuất, hệ thống công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất cho toàn xã.

#### **2.2. Tính chất, chức năng, kinh tế chủ đạo:**

- Là khu quy hoạch mới kết hợp chỉnh trang khu dân cư hiện hữu và định hình các điểm dân cư mới.
- Đối với Khu trung tâm xã: Là trung tâm hành chính - chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và là động lực phát triển chính cho toàn xã. Ngoài ra, khu trung tâm còn có chức năng là khu dân cư, khu công viên, thể dục thể thao và khu công trình dịch vụ công cộng ... phục vụ cho

toàn xã; kinh tế chủ đạo là thương mại dịch vụ và hoạt động sản xuất phi nông nghiệp.

- Đối với các điểm dân cư nông thôn: chức năng chính là các khu dân cư tập trung với các công trình công cộng, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cơ bản và đồng bộ; kinh tế chủ đạo là phát triển sản xuất nông nghiệp (với các mô hình chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản...) và phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ nông nghiệp và nhu cầu đời sống xã hội.

### **3. Quy mô và cơ cấu dân số, lao động của xã:**

- Dân số hiện trạng toàn xã (năm 2017): 5.511 người (Nguồn: Chi cục Thống kê Thị xã Duyên Hải).

- Dân số dự báo theo giai đoạn quy hoạch:

+ Đến năm 2020: 8.000 người.

+ Đến năm 2030: 10.000 người.

### **4. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật:**

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án đảm bảo các quy định trong các QCXDVN hiện hành, cụ thể:

#### **4.1. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc:**

- Đất ở nông thôn :  $\geq 100 \text{ m}^2/\text{người}$ .

+ Đất xây dựng nhà ở :  $\geq 25 \text{ m}^2/\text{người}$ .

+ Đất vườn ao :  $75 \text{ m}^2/\text{người}$ .

- Đất công trình công cộng :  $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$ .

- Đất cây xanh - TĐTT :  $\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$ .

- Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật :  $\geq 5 \text{ m}^2/\text{người}$ .

#### **4.2. Các chỉ tiêu quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:**

- Cấp nước : 80 lít/người.ngày đêm;

- Cấp điện : 1000-1600 KWh/hộ/năm;

- Thoát nước : 100% lưu lượng nước cấp;

- Thông tin liên lạc : 1-2 máy/hộ;

- Rác thải : 0,8kg/người.ngày đêm.

### **5. Cơ cấu phân khu chức năng, tổ chức không gian tổng thể xã:**

#### **5.1. Cơ cấu phân khu chức năng:**

- Bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất:

+ Không gian trung tâm, vị trí các công trình công cộng như trung tâm hành chính, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường mầm non, trạm y tế,

nhà văn hóa, thư viện, khu thương mại dịch vụ.

+ Khu dân cư hiện hữu và khu dân cư phát triển xây dựng mới. Các khu dân cư này được sắp xếp nằm liền kề nhau và sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến, ven trục bộ, kênh rạch.

+ Không gian sản xuất, định hướng phân chia các chức năng của loại đất để có kế hoạch canh tác, sử dụng đất hợp lý.

- Cơ cấu phân khu chức năng được xác định như sau:

TT	Điểm dân cư	Quy mô (2030)			Vị trí (ấp)
		Diện tích (ha)	Dân số (người)	Đất ở (ha)	
1	Điểm trung tâm	96,84	2.500	28	Giồng Giếng, Láng Cháo
2	Điểm dân cư số 1	85,26	2.400	26	Mù U
3	Điểm dân cư số 2	43,66	1.800	20	Giồng Giếng
4	Điểm dân cư số 3	24,82	1.000	11	Láng Cháo
5	Điểm dân cư số 4	53,11	2.000	22	Cồn Ông
	Dân cư rải rác		300	3	
<b>Tổng cộng</b>		<b>303,69</b>	<b>10.000</b>	<b>110</b>	

- Tổ chức các khu dân cư cụ thể như sau:

+ **Khu trung tâm xã:** Quy mô khoảng 96,84 ha, dân số dự kiến 2.500 người. khu vực sẽ phát triển theo dạng đô thị.

Vị trí thuộc ấp Giồng Giếng và ấp Láng Cháo là khu dân cư tập trung nằm trên giao lộ của Tỉnh lộ 913 và Hương lộ 81 hiện hữu, kết hợp với khu trung tâm công cộng dịch vụ xã (các trường trung học cơ sở, trường tiểu học, trường mầm non, trạm y tế, khu trung tâm hành chính xã, khu dịch vụ, khu nhà văn hóa, thư viện, khu cây xanh sử dụng công cộng).

Các điểm dân cư nông thôn khác bao gồm:

+ **Điểm dân cư 1:** Quy mô khoảng 85,26 ha, dân số dự kiến 2.400 người. Vị trí thuộc ấp Mùa U, là khu dân cư và các công trình công cộng trên tuyến đường đal hiện hữu.

+ **Điểm dân cư 2:** Quy mô khoảng 43,66 ha, dân số dự kiến 1.800 người. Vị trí thuộc ấp Giồng Giếng, là tuyến dân cư hiện hữu bám theo Tỉnh lộ 913 hướng ra Kênh Tắt.

+ **Điểm dân cư 3:** Quy mô khoảng 24,82 ha, dân số dự kiến 1.000 người. Vị trí thuộc ấp Láng Cháo, là điểm dân cư hiện hữu bám theo Tỉnh lộ 913.

+ **Điểm dân cư 4:** Quy mô khoảng 53,11 ha, dân số dự kiến 2.000 người. Vị trí thuộc ấp Cồn Ông. Là khu dân cư và các công trình công cộng trên tuyến đường đal nhựa và đường vành đai hiện hữu, là điểm dân cư phía Bắc của xã.

*Ngoài ra dân cư sống rải rác trong các khu nông nghiệp khoảng 500 người.*

Tổng dân số toàn xã dự kiến khoảng 10.000 người, chủ yếu phân bố tại các điểm dân cư nông thôn và khu trung tâm xã.

Các khu dân cư xây dựng mới được bố trí xen cài với khu dân cư hiện hữu. Hình thức vẫn đảm bảo là nhà vườn (thuần nông), diện tích mỗi hộ khoảng 400m<sup>2</sup> - 800m<sup>2</sup> được bố trí các chức năng phù hợp: Sản xuất và ở.

## **5.2. Định hướng tổ chức không gian toàn xã:**

### *a. Tổ chức không gian tổng thể:*

- Tổng thể không gian xã Dân Thành được tổ chức có hệ thống, giúp đáp ứng được nhu cầu tối ưu hóa các diện tích sử dụng thông qua việc bố trí hợp lý không gian trung tâm, không gian các khu dân cư và không gian sản xuất.

- Đối với không gian trung tâm phải đáp ứng tốt nhất nhu cầu quản lý và ổn định khu vực, là nơi tập trung các công trình công cộng, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động sản xuất của người dân.

- Đối với không gian các khu dân cư cần tạo được sự hài hòa giữa khu dân cư hiện hữu và khu dân cư phát triển xây dựng mới.

- Đối với không gian sản xuất, việc quy hoạch sẽ phân chia các chức năng của loại đất để có kế hoạch canh tác, trồng trọt hợp lý, cho năng suất cao nhất, thuận lợi phát triển công nghiệp hướng cảng.

### *b. Tổ chức không gian trung tâm:*

- Trung tâm xã được bố trí tiếp cận thuận lợi với trục giao thông thủy, bộ, chính - Tỉnh lộ 913 (Quốc lộ 53B), Hương lộ 81. Đồng thời kết hợp bổ sung các công trình sử dụng công cộng còn thiếu nhằm hoàn thiện khả năng phục vụ cho toàn xã như: bưu điện, nhà văn hóa, chợ, y tế, giáo dục.. với mật độ xây dựng và tầng cao theo quy định hiện hành.

- Bên cạnh đó còn bố trí các công viên, sân tập luyện... và không gian xung quanh các công trình công cộng nhằm mang lại hiệu quả cảnh quan chung cho khu vực trung tâm.

### *c. Tổ chức không gian các khu dân cư:*

- Khu dân cư hiện hữu phân bố theo các tuyến đường Tỉnh lộ 913, và các tuyến đường giao thông chính trong khu vực. Trong tương lai, vẫn sử dụng giải pháp phát triển theo dạng tuyến, ven trục bộ, kênh rạch, đảm bảo phục vụ sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Các khu dân cư xây dựng mới được bố trí xen cài với khu dân cư hiện hữu đảm bảo sự hòa hợp về không gian và hình thức kiến trúc.

### *d. Tổ chức không gian sản xuất và đất rừng:*

- Không gian sản xuất của xã được bố trí trên tổng thể khu quy hoạch theo đó phần đất được tổ chức chủ yếu theo dạng tập trung với đa phần là đất lâm

nghiệp (rừng phòng hộ); khu vực đất hoạt động sản xuất (nhà máy nhiệt điện), phần còn lại là đất nuôi trồng thủy sản, đất trồng cây hàng năm và cây lâu năm.

- Khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp công nghệ với các mô hình sản xuất, trồng trọt, mô hình chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, trồng rừng phù hợp với địa hình, thổ nhưỡng và điều kiện kinh tế xã hội; Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu đời sống xã hội.

### **5.3. Vị trí quy mô các công trình công cộng dịch vụ xã:**

#### **a. Công trình giáo dục:**

- Cải tạo chỉnh trang trường trung học cơ sở tại vị trí ấp Láng Cháo với diện tích 0,92 ha.

- Cải tạo chỉnh trang 03 trường tiểu học với diện tích 1,48 ha.

- Cải tạo chỉnh trang 03 trường mẫu giáo và xây dựng mới 01 trường với tổng quy mô diện tích 1,69 ha.

*Bảng thống kê công trình giáo dục:*

<b>T T</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Diện tích (m<sup>2</sup>)</b>	<b>Vị trí (ấp)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Trường THCS Dân Thành	9.209,90	Láng Cháo	Cải tạo chỉnh trang
2	Trường tiểu học	14.752,80		
	+ <i>Trường tiểu học</i>	<i>7.647,90</i>	<i>Láng Cháo</i>	Cải tạo chỉnh trang
	+ <i>Trường tiểu học</i>	<i>3.173,80</i>	<i>Cồn Ông</i>	Cải tạo chỉnh trang
	+ <i>Trường tiểu học</i>	<i>3.931,10</i>	<i>Mù U</i>	Cải tạo chỉnh trang
3	Trường mẫu giáo	16.966,90		
	+ <i>Trường mẫu giáo</i>	<i>4.885,60</i>	<i>Láng Cháo</i>	Cải tạo chỉnh trang
	+ <i>Trường mẫu giáo</i>	<i>6.959,20</i>	<i>Láng Cháo</i>	Cải tạo chỉnh trang
	+ <i>Trường mẫu giáo</i>	<i>2.364,80</i>	<i>Cồn Ông</i>	Xây dựng mới
	+ <i>Trường mẫu giáo</i>	<i>2.757,30</i>	<i>Mù U</i>	Cải tạo chỉnh trang
<b>Tổng cộng:</b>		<b>40.929,60</b>		

#### **b. Công trình y tế:**

- Mở rộng chỉnh trang Trạm y tế xã tại vị ấp Giồng Giếng với tổng diện tích khoảng 0,25 ha.

#### **c. Công trình trụ sở hành chính - văn hóa:**

- Cải tạo chỉnh trang Khu trung tâm hành chính xã tại vị ấp Giồng Giếng và ấp Láng Cháo với tổng diện tích khoảng 0,59 ha.

- Xây dựng mới sân thể thao xã tại ấp Giồng Giếng với quy mô 1,03ha.

- Xây dựng mới nhà văn hóa tại vị trí ấp Giồng Giếng với quy mô 0,59 ha.

*d. Các công trình công cộng khác:*

- Giữ nguyên chợ Dân Thành tại vị trí ấp Giồng Giếng, bám theo trục Tỉnh lộ 913 (Quốc lộ 53B), có bãi xe, có nơi thu, chứa chất thải rắn trong ngày với quy mô 0,95 ha.

- Giữ nguyên Bru điện tại vị trí ấp Láng Cháo, bám theo trục Tỉnh lộ 913, với quy mô diện tích 0,08ha.

**5.4. Vị trí quy mô công trình cấp đô thị:**

- Khu dịch vụ, giải trí Dân Thành 1: Là khu giải trí tổng hợp, quy mô diện tích khoảng 270 ha, thuộc ấp Giồng Giếng. Khai thác thế mạnh sinh thái đồng quê kết hợp nuôi trồng thủy sản và các dịch vụ nông thôn.

- Khu trung tâm y tế với quy mô diện tích khoảng 4,51 ha, thuộc ấp Giồng Giếng. Đảm bảo phục vụ cho thị xã đến giai đoạn 2030.

**6. Quy hoạch sử dụng đất:**

Với tổng diện tích tự nhiên có 2.472,75 ha cơ cấu sử dụng đất đến năm 2030 trên địa bàn xã Dân Thành như sau:

- Đất nông nghiệp: 1.309,90ha chiếm 52,97% tổng diện tích tự nhiên.

- Đất phi nông nghiệp: 1.162,85ha chiếm 47,3% tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất xây dựng : 997,58ha chiếm 40,34 % tổng diện tích tự nhiên;

+ Đất khác : 165,27ha chiếm 6,68% tổng diện tích tự nhiên.

*Tổng hợp nhu cầu tăng, giảm diện tích sử dụng đất trong kỳ quy hoạch:*

STT	MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)	
		NĂM 2017	NĂM 2030
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>1.714,18</b>	<b>1.309,90</b>
1.1	Đất trồng lúa	0,00	0,00
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	100,87	70,21
1.3	Đất trồng cây lâu năm	142,92	100,13
1.4	Đất rừng phòng hộ	198,82	750,94
1.4	Đất nuôi trồng thủy sản	1.253,53	370,58
1.4	Đất làm muối	18,04	18,04
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>503,59</b>	<b>997,58</b>
2.1	Đất ở nông thôn	43,05	109,00
2.2	Đất công cộng	8,82	12,65
	- Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,65	0,65
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	0,12	0,60
	- Đất xây dựng cơ sở giáo dục	2,47	4,09
	- Đất xây dựng cơ sở văn hóa	2,49	2,49
	- Đất sinh hoạt cộng đồng	1,22	1,50

	- Đất chợ	0,95	1,20
	- Đất thương mại dịch vụ	0,83	2,04
	- Buru điện	0,08	0,08
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,00	2,23
	- Đất cây xanh - khu vui chơi-giải trí	0,00	1,20
	- Sân thể dục thể thao xã	0,00	1,03
2.4	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	0,06	0,06
	- Đất tôn giáo	0,00	0,00
	- Đất tín ngưỡng	0,06	0,06
2.5	Đất công nghiệp, tiêu thủ công nghiệp	14,26	100,00
	- Đất sản xuất phi nông nghiệp	14,26	50,00
	- Đất cụm công nghiệp	0,00	50,00
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	0,00	0,00
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0,00	114,41
	- Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,00	0,00
	- Đất xây dựng cơ sở y tế	0,00	4,51
	- Đất khu dịch vụ giải trí	0,00	270,00
	- Đất hỗn hợp	0,00	100,00
	- Thương mại dịch vụ	0,00	14,41
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	408,42	624,41
	- Đất giao thông	130,43	166,48
	- Đất xử lý chất thải rắn	2,71	3,05
	- Đất nghĩa trang, nghĩa địa	4,47	4,88
	- Đất hạ tầng kỹ thuật khác	270,80	450,00
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	28,41	28,56
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	0,57	6,26
	- Đất an ninh	0,57	0,57
	- Đất quốc phòng	0,00	5,69
<b>3</b>	<b>Đất khác</b>	<b>254,99</b>	<b>165,27</b>
3.1	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	84,64	106,39
3.2	Đất chưa sử dụng	170,35	0,00
3.3	Đất hành lang bảo vệ kênh rạch		58,88
<b>TỔNG</b>		<b>2.472,75</b>	<b>2.472,75</b>

## 7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

### 7.1. Giao thông:

#### a. Giao thông đối ngoại:

- Tỉnh lộ 913 là trục đường giao thông đối ngoại chính của khu quy hoạch, đây là trục đường rất quan trọng trong công tác xây dựng dự án, mặt đường cấp cao A1, loại mặt đường BTN nóng, có lộ giới 28m.



- Tuyến đường số 6, tuyến số 1, Hương lộ 81 kết nối xã Dân Thành với khu vực phía tây bắc thị xã Duyên Hải.

- Đường vành đai kết nối xã Dân Thành với khu vực xã Trường Long Toàn phía đông bắc.

*b. Giao thông đối nội:*

- Mạng lưới đường khu vực làm nhiệm vụ liên kết các khu chức năng với nhau đồng thời làm nhiệm vụ kết nối khu dân cư, công cộng – dịch vụ ra các hệ thống giao thông đối ngoại, tổ chức thành một mạng lưới giao thông đan xen nhau, lộ giới tối thiểu 12m.

- Các tuyến giao thông nông thôn, phục vụ dân sinh, có xe cơ giới qua lại có lộ giới tối thiểu 4m.

**7.2. Cao độ nền - thoát nước mặt:**

- Công tác thủy lợi:

+ Công tác thủy lợi đi đôi với việc thoát nước mặt cho các khu dân cư. Đối với những khu vực là đất sản xuất nông nghiệp và thủy hải sản thì thoát nước mặt là công tác nạo vét các bờ kênh, mương để tạo điều kiện cho thủy triều lên xuống đều đặn.

+ Các bờ kênh, mương tự nhiên sẽ giữ lại làm công tác thủy lợi, thoát nước và cấp nước cho đồng ruộng hay ao hồ nuôi trồng thủy sản. Lượng nước được lưu chuyển sẽ là điều kiện tốt để phát triển nông và ngư nghiệp của địa phương.

+ Bên cạnh đó, việc tăng cường và nghiên cứu đắp đê chắn sóng, ngăn lũ hay đào thêm kênh thoát nước sẽ góp phần làm cho hệ thống thủy lợi và thoát nước mặt trở nên thuận lợi hơn.

- Quy hoạch chiều cao (san nền):

+ Chọn giải pháp tôn cao nền đất hiện hữu do tính đơn giản, khả thi và kinh tế nhất hiện nay.

+ Đối với khu vực đất công nghiệp, cao độ khống chế tối thiểu là 2,7m.

+ Khu vực trung tâm xã và các điểm dân cư lân cận, cao độ san lấp tối thiểu là 2,5m.

+ Các khu vực rừng phòng hộ, nuôi trồng thủy sản, sản xuất nông lâm nghiệp giữ nguyên địa hình tự nhiên hoặc san lấp theo nhu cầu sản xuất.

- Quy hoạch thoát nước mưa:

+ Khu vực trung tâm xã và các khu công nghiệp thiết kế mạng lưới thoát nước riêng giữa nước mưa và nước bẩn.

+ Khu vực điểm dân cư nông thôn, quy hoạch hệ thống thoát nước chung.

+ Nguồn tiếp nhận nước mưa chính là sông rạch rải rác trong khu vực thiết kế.

**7.3. Hệ thống cấp nước:**

- Chỉ tiêu cấp nước:
  - + Khu vực nông thôn: 80 (lít/người.ngđ).
  - + Tiêu chuẩn cấp nước công trình công cộng, thương mại dịch vụ lấy trung bình 15% tổng lưu lượng nước cấp sinh hoạt.
  - + Thất thoát rò rỉ lấy bằng 15% tổng lưu lượng nước cấp.
  - + Hệ số dùng nước ngày lớn nhất lấy bằng 1,2.
- Định hướng hệ thống cấp nước:
  - + Nguồn cấp nước: Tiếp tục sử dụng và nâng cấp các giếng bơm nước hiện hữu, bên cạnh đó xây dựng mới một số trạm bơm cấp nước cho các điểm dân cư mới để đảm bảo nhu cầu dùng nước.
  - + Thiết kế cấp nước phải bảo đảm tiêu chuẩn về cung cấp nước và phải cung cấp nước sạch đã qua xử lý.
  - + Sử dụng mạng lưới kết hợp giữa mạng vòng và mạng cụt đảm bảo sự an toàn và tính liên tục. Từ đường ống cấp nước chính D100-150, tổ chức các tuyến cấp nước nội bộ cung cấp cho các công trình.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy:

- + Lưu lượng cấp nước chữa cháy  $q = 10$  l/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời 1 lúc là 1 đám cháy TCVN 2622 - 1995. Ngoài ra khi có sự cố cháy cần bổ sung thêm nguồn nước mặt của các rạch gần nhất.
- + Trụ cứu hoả bằng gang có bán kính phục vụ tối đa là 150m. Lưu lượng nước chữa cháy không tính vào công suất trạm xử lý nước cấp mà chỉ dự trữ trong bể (nước thô) và bơm cấp bổ sung vào mạng khi có cháy nhằm giảm chi phí xử lý nước.

**7.4. Phát triển hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:**

- Chỉ tiêu thoát nước:
  - + Chỉ tiêu thoát nước thải sinh hoạt: 100% lượng nước cấp sinh hoạt.
  - + Chỉ tiêu rác thải sinh hoạt: 0,8kg/người.ngày.đêm.
- Định hướng hệ thống thoát nước thải và vệ sinh môi trường:
  - + Thoát nước thải: Nước thải trước khi thoát ra mạng lưới thoát nước chung phải được xử lý bằng hầm tự hoại 3 ngăn, đạt tiêu chuẩn cho phép thoát ra môi trường. Tại khu vực trung tâm xã, khuyến khích xây dựng bể xử lý nước thải cục bộ tùy theo năng lực tài chính của địa phương. Bể xử lý nước thải thu gom lượng nước đáy tại giếng tách dòng cuối tuyến công chung.
  - + Nổi cống theo nguyên tắc ngang đỉnh, độ sâu chôn cống tối thiểu 0,5m tính từ đỉnh cống.
  - + Rác thải sẽ được thu gom hằng ngày, tập trung tại trạm trung chuyển chất thải rắn của xã, chất thải sau khi được phân loại tại điểm trung chuyển sẽ được đưa về khu liên hợp xử lý chất thải tại xã Long Hữu.

### **7.5. Hệ thống cấp điện:**

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Khu dân cư trung tâm: 1600 kWh/hộ/năm.

+ Khu dân cư nông thôn: 1000 kWh/hộ/năm.

+ Công trình công cộng... : 20% sinh hoạt.

+ Điện sản xuất: 20% sinh hoạt.

+ Chiều sáng giao thông : 10kW/ha.

- Định hướng cấp điện:

+ Nguồn điện: Hiện khu vực sử dụng nguồn điện quốc gia trạm biến áp 110/22kV 2x40MVA Duyên Trà thông qua tuyến trung thế 22kV hiện hữu dọc đường tỉnh lộ 913.

+ Cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới các trạm biến áp phân phối 22/0,4kV và 12,7/0,4kV kiểu trạm phòng, trạm đơn thân, compact, trạm giàn, trạm treo cấp điện 0,4kV cho khu quy hoạch.

+ Lưới điện trung thế 22kV: cải tạo, xây dựng mới các tuyến đường dây 22kV sử dụng dây nhôm lõi thép tiết diện 50÷240mm<sup>2</sup> đấu nối các trạm biến áp phân phối vào tuyến trung thế dọc các đường chính trong khu quy hoạch theo quy hoạch vùng huyện.

+ Lưới điện hạ thế 0,4kV: Cải tạo, xây dựng hệ thống lưới điện hạ theo dạng lưới kín vận hành hở sử dụng dây nhôm lõi thép AV 50÷150mm<sup>2</sup> hoặc cáp ABC 50÷150mm<sup>2</sup> lâu dài sẽ được ngầm hoá đảm bảo mỹ quan đô thị.

### **7.6. Hệ thống thông tin liên lạc:**

- Dự báo nhu cầu:

+ Điện thoại cố định dự kiến cho nhà ở: 01-02 máy / 01hộ.

+ Công trình công cộng... : 30% sinh hoạt.

+ Dự phòng: 5%

- Nguồn cấp:

+ Cải tạo, nâng cấp bưu điện Dân Thành, xây dựng mới các trạm điện thoại 200 số cung cấp dịch vụ thông tin cho khu quy hoạch.

+ Cải tạo, xây dựng mới các tuyến thông tin liên lạc chính dọc các đường quy hoạch dung lượng mỗi tuyến khoảng 20-500 đôi hoặc cáp quang đấu nối các trạm điện thoại trên vào bưu điện xã Dân Thành đáp ứng nhu cầu dịch vụ cho người dân.

### **8. Đánh giá môi trường chiến lược:**

- Hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường:

+ Bảo vệ chất lượng nước mặt trên địa bàn khu quy hoạch và khu vực xung quanh.

+ Bảo vệ môi trường không khí, cụ thể: Hàm lượng các chất độc hại trong không khí ở khu hành chính - công cộng đạt QCVN 05: 2013/BTNMT.

+ Giảm thiểu ô nhiễm do chất thải rắn, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn là 100% và vận chuyển về khu liên hợp xử lý chất thải rắn tại xã Long Hữu.

+ Giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt phát sinh, cụ thể: Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải là 100%. Nước thải sau khi thu gom được dẫn về bể xử lý nước thải cục bộ.

+ Đảm bảo diện tích đất cây xanh và đáp ứng tiện nghi môi trường.

+ Tỷ lệ dân số được cấp nước sạch là 100% ở những nơi có điều kiện.

- Các giải pháp giảm thiểu, khắc phục tác động đối với dân cư, cảnh quan thiên nhiên; không khí, tiếng ồn khi triển khai thực hiện quy hoạch:

+ Các giải pháp quy hoạch xây dựng nhằm giảm thiểu và khắc phục các tác động và diễn biến môi trường đã được nhận diện: Quy hoạch hợp lý các hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hoạch định cao độ nền thích hợp phòng chống ngập lụt, thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

+ Các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát ô nhiễm, phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai hay ứng phó sự cố môi trường, kiểm soát các tác động môi trường: Giảm thiểu ô nhiễm không khí, ô nhiễm từ chất thải rắn, kiểm soát ô nhiễm nước thải. Xây dựng kế hoạch quản lý và giám sát chất lượng môi trường, cụ thể 2 lần trong năm.

### **9. Danh mục các dự án ưu tiên theo phân kỳ kế hoạch:**

- Danh mục được đầu tư được thực hiện theo đề án nông thôn mới.

- Cần tập trung xây dựng các công trình thương mại dịch vụ phục vụ cho dân cư nhà máy nhiệt điện

### **10. Quy định quản lý theo quy hoạch:**

Ủy ban nhân dân xã Dân Thành có trách nhiệm lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu trung tâm xã và trình cấp có thẩm quyền về quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch, làm cơ sở cho việc công khai và quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn xã trong kỳ quy hoạch.

### **11. Tiến độ giải pháp tổ chức thực hiện đề án quy hoạch xây dựng:**

- Ủy ban nhân dân xã Dân Thành tập trung phát huy nội lực của cộng đồng địa phương để xây dựng mô hình nông thôn mới, theo phương châm nhà nước hỗ trợ một phần để phát huy sự đóng góp của cộng đồng, phát huy tinh thần tự quản nhằm duy trì chất lượng lâu dài và ổn định cho các công trình được đầu tư theo quy hoạch.

- Quy hoạch tạo hành lang pháp lý và định hướng cho việc đầu tư thực hiện các mô hình sản xuất, mô hình dân cư. Tuy nhiên, việc đầu tư phải do chính người dân tự đề xuất và thiết kế trên cơ sở bàn bạc dân chủ, công khai và quyết định thông qua cộng đồng.

**Điều 2:** Trên cơ sở nội dung Đồ án quy hoạch được duyệt, Ủy ban nhân dân xã Dân Thành phối hợp với các phòng, ban ngành liên quan công bố rộng rãi để các tổ chức, cá nhân trên địa bàn xã biết, kiểm tra và thực hiện.

**Điều 3:** Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã; Trưởng phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên - Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Dân Thành và thủ trưởng các ngành có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

*Nơi nhận:* 

- TT.TXU-HĐND thị xã (b/c);
- Như Điều 3;
- Khóai NC;
- Lưu.



**CHỦ TỊCH**



*Châu Văn Hoà*

